TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/KDTM-ST
Ngày: 26-4-2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tống Văn Tâm

Ông Lê Tiền Giang

***- Thư ký phiên tòa*:** bà Đỗ Thị Phương Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa: ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 14/2024/TLST-KDTM ngày 16/01/2024 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST-KDTM ngày 12 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH S.

Địa chỉ: thửa đất số 251, tờ bản đồ số 58, đường số B, tổ B, khu phố F, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: ông Trương Quốc H, sinh năm 1986 và bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1993; cùng địa chỉ liên hệ: số A - A đường H, KDC C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 14/12/2023). (vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Công ty TNHH T1.

Địa chỉ: số H, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: ông Hồ Thiên T, sinh năm 1985; địa chỉ liên lạc: số H, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo pháp luật (Giám đốc Công ty). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn trình bày:*

Ngày 03/01/2022, Công ty TNHH S (sau đây viết tắt là Công ty S) và Công ty TNHH T1 (sau đây viết tắt là Công ty T1) ký hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán hàng hóa số 04/2022/BA-BP, theo đó Công ty S cung cấp hàng hóa (mốp xốp) cho Công ty T1 theo từng đợt.

Khi giao hàng cho Công ty T1, Công ty S đều lập phiếu giao hàng và sau đó xuất các hoá đơn tài chính (các chứng từ giao nhận hàng đều có xác nhận của Công ty T1) như thỏa thuận của hai bên cũng như quy định tại Điều 34 của Luật Thương mại năm 2005. Từ thời điểm đặt hàng, giao hàng đến nay Công ty T1 không có bất cứ khiếu nại gì về chất lượng sản phẩm hàng hóa. Công ty S đã xuất hóa đơn tài chính cho Công ty T1, cụ thể: Hoá đơn số 0000023 ngày 26/5/2022 với số tiền 1.467.867.960 đồng, số 0000049 ngày 30/6/2022 với số tiền 1.026.043.632 đồng, số 0000071 ngày 29/7/2022 với số tiền 766.079.748 đồng, số 0000101 ngày 28/8/2023 với số tiền 233.560.368 đồng, số 0000085 ngày 26/5/2022 với số tiền 418.676.742 đồng, số 0000069 ngày 27/6/2023 với số tiền 331.560.680 đồng, số 0000049 ngày 29/5/2023 với số tiền 531.526.710 đồng, số 0000041 ngày 28/4/2023 với số tiền 330.326.040 đồng, số 0000017 ngày 27/3/2023 với số tiền 197.038.710 đồng, số 0000010 ngày 28/02/2023 với số tiền 17.566.560 đồng, số 0000133 ngày 26/11/2022 với số tiền 87.353.640 đồng, số 0000114 ngày 26/10/2022 với số tiền 13.732.200 đồng, số 0000098 ngày 27/9/2022 với số tiền 257.734.764 đồng, tổng số tiền các hoá đơn là 5.679.067.754 đồng. Công ty T1 đã thanh toán số tiền 1.083.876.914 đồng, còn nợ lại số tiền 4.595.190.840 đồng.

Ngày 09/10/2023, Công ty T1 đã xác nhận số tiền công nợ phải thanh toán là 4.871.128.840 đồng. Tuy nhiên, Công ty T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Công ty S như đã thoả thuận. Ngày 8/11/2023, ông Hồ Thiên T là giám đốc của Công ty T1 đã cam kết thanh toán công nợ. Nhưng đến nay phía Công ty S không nhận được bất kì khoản tiền thanh toán nào, dù Công ty S đã nhiều lần yêu cầu Công ty T1 thanh toán. Việc Công ty T1 lẩn tranh nghĩa vụ, không thanh toán số tiền công nợ trên như thỏa thuận đã làm cho Công ty S gặp nhiều khó khăn trong việc sản xuất, kinh doanh. Hiện tại, Công ty T1 còn nợ Công ty S số tiền 4.595.190.840 đồng.

Do vậy, Công ty S khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết: buộc Công ty T1 thanh toán cho Công ty S số tiền công nợ 4.595.190.840 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 09/10/2023 đến thời điểm xét xử vụ án với mức lãi suất 1%/tháng với số tiền 194.845.154 đồng.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn

bản tố tụng cho bị đơn Công ty T1 theo đúng quy định pháp luật nhưng đại diện Công ty T1 không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ Công văn số 224/ĐKKD ngày 04/3/2024 của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B xác định Công ty T1 đăng ký địa chỉ trụ sở chính tại số H, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Hồ Thiên T. Công ty T1 hiện đang hoạt động, chưa thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi, tạm ngừng, giải thể.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại theo các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty S khởi kiện yêu cầu Công ty T1 thanh toán tiền phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa là mốp xốp với tổng số tiền 4.790.035.994 đồng. Bị đơn Công ty T1 có trụ sở tại thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là loại việc về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[2] Bị đơn Công ty T1 đã được tống đạt đúng quy định pháp luật nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Công ty S yêu cầu Công ty T1 thanh toán số tiền công nợ 4.595.190.840 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 09/10/2023 đến thời điểm xét xử vụ án với mức lãi suất 1%/tháng với số tiền 194.845.154 đồng.

[4.1] Về số tiền nợ gốc: Xét thấy, giữa Công ty S và Công ty T1 có quan hệ mua bán theo hợp đồng nguyên tắc số 04/2022/BA-BP ngày 03/01/2022, theo

đó Công ty S bán hàng hoá là mốp xốp cho Công ty T1. Thực hiện hợp đồng, Công ty S đã giao hàng cho Công ty T1 và đã xuất các hoá đơn số Hoá đơn số 0000023 ngày 26/5/2022, 0000049 ngày 30/6/2022, 0000071 ngày 29/7/2022, 0000101 ngày 28/8/2023, 0000085 ngày 26/5/2022, 0000069 ngày 27/6/2023, 0000049 ngày 29/5/2023, 0000041 ngày 28/4/2023, 0000017 ngày 27/3/2023, số 0000010 ngày 28/02/2023, 0000133 ngày 26/11/2022, số 0000114 ngày 26/10/2022, 0000098 ngày 27/9/2022, tổng số tiền các hoá đơn là 5.679.067.754 đồng. Ngày 09/10/2023, Công ty T1 đã xác nhận số tiền công nợ phải thanh toán cho Công ty S là 4.871.128.840 đồng, ngày 8/11/2023, ông Hồ Thiên T đã cam kết thanh toán công nợ cho Công ty S nhưng vẫn không thực hiện. Nguyên đơn thừa nhận Công ty T1 đã thanh toán số tiền 1.083.876.914 đồng, còn nợ lại số tiền 4.595.190.840 đồng. Việc bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là trái quy định tại Điều 50, 55 Luật Thương mại 2005. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ 4.595.190.840 đồng là có cơ sở.

[4.2] Về yêu cầu thanh toán tiền lãi: Theo hợp đồng, hai bên thoả thuận Công ty T1 thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày hai bên chốt công nợ và Công ty S xuất hoá đơn tài chính. Xét thấy, Công ty S đã xuất hoá đơn cuối số 0000101 ngày 28/8/2023, ngày 09/10/2023, hai bên đã tiến hành đối chiếu công nợ nhưng phía Công ty T1 cũng không thực hiện thanh toán. Tại Điều 306 Luật Thương mại quy định: "*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*". Như đã phân tích ở phần trên thì do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả là có cơ sở. Xét thấy, tại thời điểm xét xử (ngày 26/4/2024) mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 14%/năm (mức lãi suất nợ quá hạn tại Ngân hàng TMCP Đ là 12%/năm, tại Ngân hàng TMCP S1 là 15%/năm, tại Ngân hàng N là 15%/năm). Do đó, việc Công ty S yêu cầu Công ty T1 thanh toán tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 01%/tháng tương ứng với 12%/năm trên số tiền nợ gốc tính từ ngày 09/10/2023 với số tiền 298.687.405 đồng là mức lãi suất thấp hơn mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ những phân tích trên, xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên là phù hợp.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn Công ty T1 phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 4.893.878.245 đồng, tương đương số tiền án phí: 112.893.878 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 147, 227, 228, 235, 238, 244, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH S đối với bị đơn Công ty TNHH T1 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty TNHH T1 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH S tổng số tiền 4.893.878.245 đồng (Bốn tỷ tám trăm chín mươi ba triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm bốn mươi lăm đồng), bao gồm nợ gốc 4.595.190.840 đồng, tiền lãi chậm thanh toán là 298.687.405 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH T1 phải nộp số tiền 112.893.878 đồng (Một trăm mười hai triệu tám trăm chín mươi ba nghìn tám trăm bảy mươi tám đồng). Hoàn trả cho Công ty TNHH S số tiền 56.533.000 đồng (Năm mươi sáu triệu năm trăm ba mươi ba nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001850 ngày 10/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;

- VKSND thành phố Tân Uyên;
- CCTHADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Phạm Ngọc Trung